

Bản án số: 209/2025/DS-PT
Ngày: 14/4/2025
*Về việc tranh chấp quyền sử
dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 14/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2025/TLPT-DS ngày 07/02/2025 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 191/2024/DS-ST ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 876/2025/QĐXXPT-DS ngày 05/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1011/2025/QĐ-PT ngày 19/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: số 13, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1957

Địa chỉ: số 171, ấp B1, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp B1, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà T:

1. Anh Ngô Nhật T, sinh năm 1995 (có mặt)

2. Anh Trần Quang K, sinh năm 1996

3. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1997 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Anh Trần Quang K uỷ quyền tham gia tố tụng lại cho: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M, bà T: Luật sư Huỳnh Văn V-Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 118E3, đường số 3, khu dân cư S, khu phố M, phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Huỳnh Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T.

- **Người làm chứng do bị đơn triệu tập:** Chị Huỳnh Thị Ngọc A, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: 072/BVB (Bến Vựa Bắc), xã V Hoà, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y trình bày:

Bà có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 159, diện tích 1.240,8m² và thửa số 140, diện tích 6.731,5m², cùng tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; liền ranh với thửa đất số 151, diện tích 1.269,9m² và thửa số 136, diện tích 6.062,8m² của ông M, bà T. Nguồn gốc đất của mẹ bà là cụ Lê Thị S (đã chết) canh tác từ năm 1978 đến năm 2017. Năm 1993, nhà nước đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cụ S, bà và ông M có mặt chỉ ranh, cắm 03 trụ ranh đất giữa hai bên gồm trụ đầu trong, đầu ngoài và trụ giữa (thửa 140, 159 của bà với thửa 136, 151 của ông M, bà T). Khoảng năm 2009, cụ S và ông M, bà Bé T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp đất cho cụ S, ông M, bà T có đo đạc, do bà và cụ S chỉ đo, có ông M chứng kiến hiệp thương ranh. Sau năm 2017, cụ S cho bà phần đất này, bà đã nhận đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có đo đạc lại. Quá trình quản lý, sử dụng đất không có ai tranh chấp. Từ năm 2019, do trụ ranh đất giữa bà với ông M, bà Bé T bị mất nên bà yêu cầu phục hồi ranh đất và bắt đầu phát sinh tranh chấp. Sau đó, bà và ông M thỏa thuận cắm lại trụ ranh xong nhưng hôm sau ông M không đồng ý và nhổ trụ ranh. Năm 2021, bà thưa kiện ông M tại Ủy ban nhân dân xã C. Ủy ban nhân dân xã hòa giải hai bên thống nhất yêu cầu đo đạc phục hồi ranh đất giữa hai bên. Đo đạc xuống đo đạc phục hồi ranh và hai bên đồng ý cắm trụ ranh đất nhưng hôm sau ông M không đồng ý và tiếp tục nhổ trụ ranh. Do không hòa giải được nên bà khởi kiện tại Tòa án. Tại biên bản hòa giải ngày 29/02/2024, bà và ông M, bà Bé T thống nhất cắm trụ ranh đất thửa 159 là theo ranh bản đồ địa chính, thửa 140 trụ ranh phía trong (giáp thửa 281) giữ nguyên theo ranh bản đồ địa chính, còn trụ ở

giữa (giáp thửa 159 và 140) bà đồng ý nhường dòi qua 2,5 tác. Sau đó, bà có yêu cầu đo đạc xuống điều chỉnh lại ranh đất theo sự thỏa thuận của hai bên nhưng ông M, bà Bé T không đồng ý nên bà khởi kiện lại vụ án.

Nay bà yêu cầu ông M, bà T có trách nhiệm trả lại phần đất đã lấn chiếm có diện tích 191m² gồm thửa đất số 159a, diện tích 24m² và thửa 140a, diện tích 167m², cùng tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Trên thửa đất số 140 có một phần gốc 03 cây dừa của ông M lấn sang đất của bà, bà không đồng ý hoàn trả giá trị 03 cây dừa cho ông M, bà T nếu có lấn sang thì ông M, bà T phải đốn bỏ các cây dừa này.

Theo văn bản trình bày ý kiến, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Văn M là anh Ngô Nhật T trình bày:

Ông M có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 136, tờ bản đồ số 33, diện tích 6.045,7m², liền ranh với thửa đất số 140 của bà Y, ranh đất giữa hai bên là bờ đất và một mương nước do vợ chồng ông M, bà T đào từ năm 1985 đến nay, phần bờ đất là của bà Y, mương là của ông M; thửa 151, diện tích 1.269,9m², liền ranh với thửa đất số 159 của bà Y, ranh đất giữa hai bên là hàng cây bạch đàn do cụ S trồng trước năm 1982, hiện nay hàng cây bạch đàn bà Y đã đốn bỏ nhưng vẫn còn gốc.

Nguồn gốc đất, năm 1982 trở về trước là đất hoang do gia đình ông M tự khai phá. Năm 1983, nông trường dừa quy hoạch, đất phải lên bờ trồng dừa, ranh đất giữa hai bên là đường mương và không có tranh chấp, khi đó giữa ông M, bà T với bà Y có thống nhất cắm hai trụ ranh bằng bê tông vào năm 1985 từ đầu đất đến cuối đất để xác định ranh cho đến hôm nay nhưng hiện nay chỉ còn 01 trụ.

Xuyên suốt quá trình sử dụng đất từ năm 1983 đến khi cụ S mất thì ranh đất giữa vợ chồng ông M, bà T với cụ S đã thống nhất và ổn định, không có tranh chấp, bà Y cũng không có ý kiến, không tranh chấp. Sau khi cụ S chết, bà Y M phát sinh tranh chấp. Phần đất tranh chấp ông M, bà T đã sử dụng liên tục ổn định đến nay đã gần 40 năm nhưng không biết vì sao bà Y được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất này.

Năm 2009, ông M, bà Bé T được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất giữa ông M và cụ S không có xảy ra tranh chấp gì và cũng chưa lần nào chỉnh sửa ranh đất. Hiện nay, con cụ S là bà Y tranh chấp yêu cầu ông M trả lại phần đất đã lấn chiếm có diện tích 191m² gồm thửa đất số 159a, diện tích 24m² và thửa 140a, diện tích 167m², cùng tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre thì ông M không đồng ý. Đồng thời ông M có yêu cầu phản tố yêu cầu tuyên cho ông M, bà Bé T được quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 159a, diện tích 24m² và thửa 140a, diện tích 167m², tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền

điều chỉnh thửa đất số 159a, diện tích 24m² (nhập vào thửa 151) và thửa 140a, diện tích 167m² (nhập vào thửa 136) sang cho ông M, bà Bé T.

Theo biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T là anh Ngô Nhật T trình bày:

Bà Bé T thống nhất với ý kiến của ông M không có bổ sung gì thêm. Đồng thời bà Bé T có yêu cầu độc lập yêu cầu tuyên cho bà Bé T, ông M được quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 159a, diện tích 24m² và thửa 140a, diện tích 167m², tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh thửa đất số 159a, diện tích 24m² (nhập vào thửa 151) và thửa 140a, diện tích 167m² (nhập vào thửa 136) sang cho ông M, bà Bé T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 191/2024/DSST ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Y về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T. Buộc ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Ngọc Y phần đất có diện tích 191m² gồm thửa đất số 159a, diện tích 24m² (CLN) và thửa 140a, diện tích 167m² (BHK), cùng tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Buộc ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T có trách nhiệm đốn bỏ 03 cây dừa đã lấn sang thửa đất số 140a, diện tích 167m² để giao trả đất cho bà Lê Thị Ngọc Y. Bà Lê Thị Ngọc Y được quyền quản lý, sử dụng đối với phần đất nêu trên. (Có hồ sơ đo đạc thửa đất kèm theo)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/12/2024, bị đơn ông Huỳnh Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T là anh Ngô Nhật T, chị Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M, bà T là luật sư Huỳnh Văn V đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông M, bà T. Trường hợp không chấp nhận kháng cáo của ông M, bà T thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông M, bà T được trả giá trị đất bằng tiền.

Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y không đồng ý với nội dung đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T; yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm

giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông M, bà T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T là anh Nguyễn Văn T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn T1.

[2] Về nội dung:

Ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T kháng cáo không đồng ý trả cho bà Lê Thị Ngọc Y phần đất có diện tích 191m² gồm thửa đất số 159a, diện tích 24m² (CLN) và thửa 140a, diện tích 167m² (BHK), cùng tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Xét kháng cáo của ông M, bà T nhận thấy:

[2.1] Các bên đương sự đều trình bày thống nhất về nguồn gốc đất là đất khai hoang từ năm 1978 và sử dụng đến nay. Thửa đất số 159 diện tích 1.204,9m² và thửa 140 diện tích 6.732,6m² của cụ S (mẹ bà Y) liền ranh với thửa đất số 151 diện tích 1.269,9m² và thửa đất số 136 diện tích 6.045,7m² của ông M, bà Bé T. Theo hồ sơ quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện các thửa đất nêu trên được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/11/2009. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất có kèm theo hồ sơ trích lục thửa đất, thể hiện thửa đất 159 có diện tích 1.204,9m², thửa 140 có diện tích 6.732,6m², thửa 151 có diện tích 1.269,9m² và thửa 136 có diện tích 6.045,7m². Bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 159, 140 và ông M, bà Bé T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 151, 136 có diện tích đúng với diện tích trong hồ sơ trích lục. Hơn nữa, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận sổ đất, giữa cụ S và ông M, bà Bé

T cũng không ai có khiếu nại hay tranh chấp gì đối với ranh đất và diện tích đất được cấp thì xem như hai bên đã thừa nhận ranh đất được xác định theo ranh bản đồ địa chính. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 29/02/2024 giữa bà Y và ông M, bà Bé T đều thống nhất ranh đất giữa thửa 151 và thửa 159 là ranh theo bản đồ địa chính, hai bên đã cắm trụ xi măng ở cạnh giáp đường đi để xác định ranh. Ranh giữa thửa 136 và 140 tại cạnh giáp thửa 281 là ranh theo bản đồ địa chính, tại điểm ranh này cũng đã có trụ xi măng. Mặc dù, điểm ranh ở giữa thửa đất số 159, 140 với thửa 151, 136 các bên đương sự không thống nhất được ranh nhưng có căn cứ xác định thời điểm năm 2009, khi bà S và ông M, bà Bé T thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thống nhất ranh đất của hai bên theo ranh bản đồ địa chính. Năm 2017, bà Y nhận tặng cho đất từ cụ S và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 159, 140 theo đúng như ranh địa chính nên có cơ sở xác định ông M, bà Bé T đã sử dụng đất lấn chiếm sang phần đất của bà Y. Ông M, bà Bé T cho rằng hai bên đã thống nhất ranh đất theo hiện trạng sử dụng đất nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét lời trình bày của ông M, bà Bé T. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y buộc ông M, bà Bé T có trách nhiệm trả lại cho bà Y phần đất đã lấn chiếm có diện tích 191m² gồm thửa đất số 159a, diện tích 24m² và thửa 140a, diện tích 167m², cùng tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre là phù hợp.

[2.2] Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện trên thửa đất số 159 không có cây trồng, vật kiến trúc; trên thửa đất số 140 có một phần gốc 03 cây dừa của ông M, bà Bé T trồng. Xét thấy, một phần 03 cây dừa do ông M, bà Bé T trồng lấn sang phần đất của bà Y nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông M, bà Bé T đốn bỏ 03 cây dừa để trả lại đất cho bà Y là phù hợp.

[2.3] Đối với yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn M và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Bé T nhận thấy:

Bị đơn ông Huỳnh Văn M có đơn yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án: tuyên cho ông M, bà Bé T được quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 159a (24m²) và thửa 140a (167m²), tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh thửa đất nêu trên sang cho ông M, bà Bé T.

Xét thấy, ông M, bà Bé T đều thống nhất thừa nhận phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 159a và 140a hiện do ông bà đang quản lý, sử dụng. Đất do ông M, bà Bé T đang quản lý, sử dụng nhưng ông bà lại có yêu cầu tuyên cho ông bà được quyền quản lý, sử dụng đối với phần đất nêu trên là không phù hợp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu của ông M không phải là yêu cầu phản tố và

yêu cầu của bà Bé T không phải là yêu cầu độc lập nên không xem xét thụ lý đối với yêu cầu này của ông M, bà Bé T là phù hợp.

Tại phiên toà phúc thẩm, phía bị đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử 02 xác nhận của người làm chứng và trình bày nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn thì đề nghị xem xét cho bị đơn được trả giá trị của phần đất xác định đã lấn chiếm.

Từ những phân tích trên xét thấy ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào M có giá trị chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông M, bà Bé T; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện G.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M, bà T không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên lẽ ra ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, do ông M, bà Bé T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 191/2024/DS-ST ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 166, 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Y về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T.

Buộc ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Ngọc Y phần đất có diện tích 191m² gồm thửa đất số 159a, diện tích 24m² (CLN) và thửa 140a, diện tích 167m² (BHK), cùng tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T có trách nhiệm đôn bỏ 03 cây dừa đã lấn sang thửa đất số 140a, diện tích 167m² để giao trả đất cho bà Lê Thị Ngọc Y.

Bà Lê Thị Ngọc Y được quyền quản lý, sử dụng đối với phần đất nêu trên.

(Có hồ sơ đo đạc thửa đất kèm theo)

2. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu chi phí tố tụng với tổng số tiền là 3.740.000đ (Ba bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Do bà Lê Thị Ngọc Y đã nộp tạm ứng xong nên buộc ông M, bà Bé T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Y số tiền nêu trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí.
- Hoàn trả cho bà Lê Thị Ngọc Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004899 ngày 02/4/2024 và số 0001710 ngày 29/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T thuộc diện người cao tuổi nên được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tỉnh

Nguyễn Thị Rên

Nguyễn Hữu Lương